

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

gmp2 ~~mark~~ gmp2 ~~mark~~
Ng.TL.Phương NTMLan Ng.TL.Phương NTMLan

Môn học : [22833403] - Năng lượng tái tạo và
sử dụng năng lượng hiệu quả (CCQ2315B)
CBGD: Nguyễn Thị Lan Phương (280017)

Số SV có mặt: 16...
Số bài thi: ...16.....
Số tờ giấy thi: 16..

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2123150067	Lê Nhật	Anh	25/08/2005	CCQ2315B		Anh	7.1	3.0	4.6
2	2122150078	Lương Văn	Bình	24/10/2004	CCQ2215C		Bình	5.8	7.5	6.8
3	2123150044	Lê Đình	Chương	15/05/2005	CCQ2315B		Chương	5.1	5.0	5.0
4	2123150002	Nguyễn Bá	Đạt	08/05/2003	CCQ2315B		Đạt	7.7	7.0	7.3
5	2123150056	Nguyễn Ngọc Tiến	Đạt	05/02/2005	CCQ2315B		Đạt	6.7	5.0	5.7
6	2123150054	Trần Thành	Đạt	19/05/2005	CCQ2315B		Đạt	7.8	7.5	7.6
7	2123150043	Huỳnh Quốc	Duy	11/09/2003	CCQ2315B		Duy	5.5	5.0	5.2
8	2123150050	Phạm Ngọc	Hiền	14/03/2005	CCQ2315B		Hiền	7.2	5.5	6.2
9	2123150045	Nguyễn Đức	Hoà	07/09/2005	CCQ2315B		Hoà	7.4	6.0	6.6
10	2123150061	Nguyễn Nhật	Hòa	21/05/2005	CCQ2315B		Hòa	6.6	7.0	6.8
11	2123150059	Nguyễn Minh	Hoàn	07/01/2005	CCQ2315B		Hoàn	7.7	7.0	7.3
12	2123150040	Phạm Văn Minh	Hoàng	08/10/2005	CCQ2315B					
13	2123150064	Nguyễn Kim	Huy	26/01/2005	CCQ2315B					
14	2123150073	Phan Đình	Khôi	27/05/2003	CCQ2315B					
15	2123150070	Lê Hoài	Nam	05/10/2005	CCQ2315B		Nam	6.8	7.0	6.9
16	2121150049	Trần Danh	Nhân	27/02/2003	CCQ2115B		Nhân	6.9	6.0	6.4
17	2123150058	Nguyễn Như	Phát	01/01/2005	CCQ2315B		Phát	7.1	5.0	5.8
18	2121150016	Lăng Minh	Phương	20/01/2003	CCQ2115A		Phương	7.3	9.0	8.3
19	2123150063	Phan Huy	Sang	08/03/2005	CCQ2315B		Sang	6.9	3.0	4.6

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

gmp Nguyễn Phương Mach NTMLan gmp Nguyễn Phương Mach NTMLan

Môn học : [22833405] - Năng lượng tái tạo và
sử dụng năng lượng hiệu quả (CCQ2315C)
CBGD: Nguyễn Thị Lan Phương (280017)

Số SV có mặt: 19.
Số bài thi:19.....
Số tờ giấy thi: 19

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2123150100	Mao Văn Cao	31/10/2005	CCQ2315C		CCO	7.2	5.0	5.9
2	2123150074	Vũ Huy Đà	23/03/2005	CCQ2315C		B	9.2	7.5	8.2
3	2123150087	Dương Thanh Đan	03/02/2003	CCQ2315C		Đan	5.8	6.0	5.9
4	2123150088	Nguyễn Trần Hữu Danh	28/03/2005	CCQ2315C					
5	2123150076	Nguyễn Trịnh Phát Đạt	28/08/2005	CCQ2315C		Đ	7.2	6.0	6.5
6	2123150075	Nguyễn Đức Duy	08/07/2005	CCQ2315C		Đ	9.2	7.5	8.2
7	2123150090	Phạm Thế Duy	05/12/2005	CCQ2315C		Đuy	7.6	7.5	7.5
8	2123150082	Võ Tùng Duy	24/04/2005	CCQ2315C		Đuy	7.7	6.0	6.7
9	2123150096	Trần Hoàng Hoàng	24/05/2005	CCQ2315C		HT	8.8	6.5	7.4
10	2123150083	Nguyễn Xuân Hùng	29/12/2005	CCQ2315C		Hùng	9.3	6.5	7.6
11	2123150095	Trần Vũ Quang Huy	13/09/2005	CCQ2315C		H	8.5	7.0	7.6
12	2123150092	Nguyễn Hoàng Bảo Khanh	07/03/2005	CCQ2315C		Khanh	6.8	6.0	6.3
13	2123150099	Bùi Tấn Lộc	02/09/2003	CCQ2315C		Loc	6.3	3.0	4.3
14	2123150093	Lê Quyền Luận	11/03/2005	CCQ2315C					
15	2123150086	Tàng Trung Minh	18/09/2005	CCQ2315C					
16	2123150081	Trần Bảo Ngọc	26/05/2005	CCQ2315C					
17	2123150078	Huỳnh Văn Phú	21/03/2005	CCQ2315C		Phú	8.3	5.0	6.3
18	2123150097	Phạm Trọng Quang	10/10/1993	CCQ2315C					
19	2123150079	Nguyễn Thị Bích Quyên	22/01/2005	CCQ2315C		Quyên	8.8	7.0	7.7
20	2123150089	Cao Tấn Tài	16/01/2005	CCQ2315C		T	9.2	7.0	7.9
21	2123150085	Trần Quốc Thịnh	21/02/2005	CCQ2315C		T	7.5	5.0	6.0
22	2123150091	Nguyễn Xuân Thuyết	10/01/2003	CCQ2315C		Thuyết	6.8	5.0	5.7
23	2123150077	Nguyễn Phan Bảo Trọng	21/07/2005	CCQ2315C		Trọng	8.2	5.0	6.3
24	2123150084	Nguyễn Ngọc Tuyên	13/05/2004	CCQ2315C		T	8.0	5.0	6.2